

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G -THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 110; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 89/2022/HNST ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa:

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

Anh Nguyễn Tùng B, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số 112 đường số 9, Phường 1, quận G, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tùng B thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 76 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận G, Thành phố H cấp cho chị L và anh B vào ngày 20/5/2013 không còn hiệu lực)

2.Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hân V, sinh ngày 04/01/2017. Chị L nuôi dưỡng trẻ Vy và anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu đồng). Bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2022 cho đến khi trẻ V tròn 18 tuổi.

3.Về tài sản chung: Các bên tự khai không có

4.Về nợ chung : Các bên tự khai không có.

5.Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị L và anh B phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai đã nộp số AA/2021/0047588 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Do đó chị L và anh B đã nộp đủ lệ phí hôn nhân.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tùng B thuận tình ly hôn.

-(Giấy chứng nhận kết hôn số 76 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận G, Thành phố H cấp cho chị L và anh B vào ngày 20/5/2013 không còn hiệu lực)

-Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hân V, sinh ngày 04/01/2017. Chị L nuôi dưỡng trẻ V và anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (*Năm triệu đồng*). Bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2022 cho đến khi trẻ V tròn 18 tuổi.

Việc thi hành được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng anh B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của anh B.

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Các bên tự khai không có

-Về nợ chung : Các bên tự khai không có.

2.Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị L và anh B phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai đã nộp số AA/2021/0047588 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Do đó chị L và anh B đã nộp đủ lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND quận G;
- UBND phường P1, Q. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)